

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKT ngày tháng năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN)

### I. Thông tin chung

#### 1. Tên Trường: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Tên tiếng Anh: University of Economics and Business - Vietnam National University, Hanoi.*

Trường Đại học Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 6/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Trường đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi lịch sử và có khởi nguyên từ Khoa Kinh tế Chính trị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội từ năm 1974.

#### 2. Mã trường: QHE

#### 3. Địa chỉ:

**Trụ sở chính:** Nhà E4, số 144 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

#### 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://ueb.vnu.edu.vn>

#### 5. Địa chỉ các trang mạng xã hội:

- Email: <http://tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn>

- Facebook: [www.facebook.com/ueb.edu.vn](http://www.facebook.com/ueb.edu.vn)

#### 6. Điện thoại liên hệ tuyển sinh:

##### 6.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước:

- Tư vấn tuyển sinh:

024.37547506/máy lẻ 666, 888

Hotline tư vấn tuyển sinh: 0913 486 773

- Công tác xét tuyển:

024.37547506/máy lẻ 305, 534, 554

Hotline tư vấn công tác xét tuyển: 0862 415 556

##### 6.2. Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo do đối tác nước ngoài cấp bằng:

Tư vấn tuyển sinh: 024.37547506/máy lẻ 508, 518

Hotline: 03 8535 8535/0926 992 688

#### 7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ueb.edu.vn/Gioi-Thieu/UEB/Cong-khai-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2021/1841/2200/0/33272>

**- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm (sinh viên tốt nghiệp năm 2021 và thực hiện khảo sát năm 2022)**

STT	Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (tỷ lệ %)
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>					
1	Quản trị kinh doanh	7340101	150	163	100	100
2	Tài chính – Ngân hàng	7340201	130	102	73	89.47
3	Kế toán	7340301	90	96	76	100
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>					
1	Kinh tế quốc tế	7310106	150	129	173	100
2	Kinh tế	7310101	80	246	88	100
3	Kinh tế phát triển	7310105	80	88	74	100
	<b>Tổng</b>		<b>680</b>	<b>824</b>	<b>584</b>	<b>98.81</b>

**8. Thông tin tuyển sinh đại học chính quy của 2 năm gần nhất**

*Thông tin tuyển sinh đại học chính quy của 2 năm gần nhất được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn>*

**8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

8.1.1. Năm 2021, Trường Đại học Kinh tế xét tuyển dựa trên:

- (1) Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 theo tổ hợp các môn thi tương ứng;
- (2) Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực học sinh bậc THPT tại ĐHQGHN;
- (3) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp điểm 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2021;
- (4) Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ);
- (5) Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT;
- (6) Xét tuyển chứng chỉ quốc tế A-Level;
- (7) Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT;
- (8) Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN;
- (9) Ưu tiên xét tuyển;
- (10) Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học;
- (11) Xét tuyển sinh viên quốc tế;
- (12) Xét tuyển liên kết quốc tế (do đối tác nước ngoài cấp bằng);

8.1.2. Năm 2022, Trường Đại học Kinh tế xét tuyển dựa trên:

- (1) Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo tổ hợp các môn thi tương ứng;
- (2) Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực học sinh bậc THPT tại ĐHQGHN;
- (3) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp điểm 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 hoặc kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn;
- (4) Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ);
- (5) Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT;
- (6) Xét tuyển chứng chỉ quốc tế A-Level;
- (7) Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT;
- (8) Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN;
- (9) Ưu tiên xét tuyển;
- (10) Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học;
- (11) Xét tuyển sinh viên quốc tế;
- (12) Xét tuyển liên kết quốc tế (do đối tác nước ngoài cấp bằng);

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT)

8.2.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

STT	Lĩnh vực/Ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022			Ghi chú
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	
<b>I</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>								
1	<b>Quản trị kinh doanh</b> (A01, D01, D09, D10)	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	210	244	36.2	305	242	33.93	* Thang điểm 40 * Điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2
2	<b>Tài chính - Ngân hàng</b> (A01, D01, D09, D10)		170	204	35.75	270	243	33.18	
3	<b>Kế toán</b> (A01, D01, D09, D10)		170	192	35.55	270	244	33.07	
<b>II</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>								
1	<b>Kinh tế quốc tế</b> (A01, D01, D09, D10)	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	270	317	36.53	315	159	35.33	* Thang điểm 40 * Điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2
2	<b>Kinh tế</b> (A01, D01, D09, D10)		210	254	35.83	270	265	33.5	
3	<b>Kinh tế phát triển</b> (A01, D01, D09, D10)		170	189	35.57	270	234	33.05	
	<b>Tổng (1+2)</b>		<b>1300</b>	<b>1456</b>		<b>1700</b>	<b>1387</b>	<b>33.68</b>	

**8.2.2. Tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài**

STT	Lĩnh vực/Ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022			Ghi chú
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	
1	<b>Quản trị kinh doanh</b> (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng)		45	70	34.85	300	199		* Thang điểm 40 * Điểm trung bình các môn thi đạt tối thiểu 5.0; điểm môn Tiếng Anh đạt từ 6.5/10.0 trở lên và nhân hệ số 2
2	<b>Quản trị kinh doanh</b> (do Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng)		30	34	32.65	400	160		* Thang điểm 40 * Điểm các môn thi đạt 5.0 trở lên; điểm môn Tiếng Anh đạt từ 6.5/10.0 trở lên và nhân hệ số 2
<b>Tổng (1+2)</b>			<b>75</b>	<b>104</b>		<b>700</b>	<b>359</b>		

**8.2.3. Điểm trúng tuyển của ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao**

Ngành	Năm tuyển sinh 2022			
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Ghi chú
<b>Phương thức xét tuyển 1:</b> Xét tuyển dựa trên đánh giá hồ sơ thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia tham gia thi đấu các giải quốc tế chính thức	50	3	75	
<b>Phương thức xét tuyển 2:</b> Xét tuyển dựa trên đánh giá hồ sơ và phỏng vấn thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên	50	12	70	
<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>15</b>		

## 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ueb.edu.vn/Dao-Tao/UEB/Chuong-trinh-dao-tao-nganh-Quan-tri-kinh-doanh-ap-dung-tuyen-sinh-tu-nam-2022/1665/1667/1670/32191>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
<b>I</b>	<b>Đại học chính quy trong nước</b>								
1	Quản trị kinh doanh	7340101	4328/QĐ-ĐHKT	28/12/2021			Trường ĐH Kinh tế	2022	2022
2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	4330/QĐ-ĐHKT	28/12/2021			Trường ĐH Kinh tế	2022	2022
3	Kế toán	7340301	4329/QĐ-ĐHKT	28/12/2021			Trường ĐH Kinh tế	2022	2022
4	Kinh tế quốc tế	7310106	4326/QĐ-ĐHKT	28/12/2021			Trường ĐH Kinh tế	2022	2022
5	Kinh tế	7310101	4325/QĐ-ĐHKT	28/12/2021			Trường ĐH Kinh tế	2022	2022
6	Kinh tế phát triển	7310105	4327/QĐ-ĐHKT	28/12/2021			Trường ĐH Kinh tế	2022	2022
7	Quản trị kinh doanh	7340101	3030/QĐ-ĐHQGHN	14/10/2020			Trường ĐH Kinh tế	2021	2021
<b>II</b>	<b>Đại học liên kết đào tạo với nước ngoài</b>								
1	Quản trị kinh doanh	7340101	QĐ 1790/QĐ - ĐHQGHN	30/5/2014			Đại học quốc gia Hà Nội	2004	2022
2	Quản trị kinh doanh	7340101	QĐ số 1949/QĐ-ĐHQGHN	30/06/2021			Đại học Quốc gia Hà Nội	2021	2022

## 10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

### 10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (người học)

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Quy mô đào tạo
<b>I</b>	<b>Tiến sĩ</b>	
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</b>	<b>63</b>
1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	44
1.2	Ngành Tài chính – Ngân hàng	19
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>66</b>
2.1	Ngành Kinh tế quốc tế	15
2.2	Ngành Quản lý kinh tế	36
2.3	Ngành Kinh tế chính trị	15
	<b>Tổng I:</b>	<b>129</b>
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ</b>	
<b>II.1</b>	<b>Chính quy, liên kết đào tạo với nước ngoài do ĐHQGHN cấp bằng hoặc cùng cấp bằng</b>	
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</b>	<b>529</b>
1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	311
1.2	Ngành Tài chính - Ngân hàng	156
1.3	Ngành Quản trị tài chính	0
1.4	Ngành Kế toán	42
1.5	Ngành Chính sách công	20
1.6	Ngành Quản lý công	0
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>240</b>
2.1	Ngành Kinh tế chính trị	11
2.2	Ngành Kinh tế quốc tế	49
2.3	Chuyên ngành Quản lý kinh tế	180
	<b>Tổng II.1:</b>	<b>769</b>
<b>II.2</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</b>	
1.1	Ngành Quản trị kinh doanh (MBA-USF)	17
	<b>Tổng II.2:</b>	<b>17</b>
	<b>Tổng II:</b>	<b>786</b>
<b>III</b>	<b>Đại học</b>	

STT	Trình độ/linh vực/ngành đào tạo	Quy mô đào tạo
<b>III.1</b>	<b><i>Chính quy, liên kết đào tạo với nước ngoài do ĐHQGHN cấp bằng hoặc cùng cấp bằng (trừ các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao)</i></b>	
<b>1</b>	<b><i>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</i></b>	<b>2674</b>
1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	1044
1.2	Ngành Tài chính - Ngân hàng	835
1.3	Ngành Kế toán	795
<b>2</b>	<b><i>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</i></b>	<b>3162</b>
2.1	Ngành Kinh tế	1037
2.2	Ngành Kinh tế phát triển	826
2.3	Ngành Kinh tế quốc tế	1299
	<b><i>Tổng III.1:</i></b>	<b>5836</b>
<b>III.2</b>	<b><i>Liên kết đào tạo với nước ngoài</i></b>	
<b>1</b>	<b><i>Kinh doanh và quản lý</i></b>	
1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	
1.1.1	BSBA-TROY	680
1.1.2	BBA-USF	391
	<b><i>Tổng III.2:</i></b>	<b>1071</b>
<b>III.3</b>	<b><i>Học cùng lúc 2 chương trình (bằng kép)</i></b>	<b>79</b>
<b>1</b>	<b><i>Kinh doanh và quản lý</i></b>	<b>25</b>
1.1	Ngành Tài chính - Ngân hàng	25
<b>2</b>	<b><i>Khoa học xã hội và hành vi</i></b>	<b>54</b>
2.1	Ngành Kinh tế	4
2.2	Ngành Kinh tế phát triển	2
2.3	Ngành Kinh tế quốc tế	48
	<b><i>Tổng III.3</i></b>	<b>79</b>
	<b><i>Tổng III:</i></b>	<b>6986</b>

## **10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

### **10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá**

- Tổng diện tích đất của trường (bao gồm diện tích sử dụng chung với Đại học Quốc gia Hà Nội): 31.673 m<sup>2</sup>.

- Số chỗ ở kí túc xá: 1.180 phòng (dùng chung toàn ĐHQGHN).

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 22.149 m<sup>2</sup>; tính trên 01 sinh viên ĐH hệ chính quy: 22.149 m<sup>2</sup>/6986 sv = 3.17 m<sup>2</sup>.

<b>STT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng(m<sup>2</sup>)</b>
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	94	11.546
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	3.950
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	294
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	62	5.043
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	22	1.494
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	60
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	7	705
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	7.057
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	7	3.546
	<b>Tổng</b>		<b>22.149</b>

### 10.2.2. Các thông tin khác

#### 10.2.2.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Danh mục trang thiết bị chính</b>	<b>Phục vụ Ngành/Lĩnh vực đào tạo</b>
1	Phòng thực hành máy tính	- Máy tính xách tay: 90 chiếc. - Máy chiếu: 02 chiếc. - Điều hòa: 06 chiếc. - Thiết bị âm thanh: 02 âm ly, 02 bộ mic không dây.	- Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi



10.2.2.2. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

STT	Tên ngành	TÀI LIỆU IN						TÀI LIỆU SỐ				CSL điện tử ngoại sinh	
		Giáo trình		Tham khảo		Luận văn luận án	Tạp chí	Giáo trình và sách điện tử (Tên)		Nội sinh (Tên)			
		Tên	Cuốn	Tên	Cuốn			Tên	Tên	Học liệu	Sách tham khảo		Luận văn luận án
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý</b>												Springer, Scimedirect, Bookboon, WorldScientific, SAGE và Elsevier  * 53.000 sách điện tử * 4.100 tạp chí điện tử
1	Quản trị kinh doanh	254	9803	7408	18568								
2	Tài chính - Ngân hàng	175	6422	4180	10056								
3	Kế toán	223	8106	4873	11679	6618	56	2141	10652	6618	1107		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và Hành vi</b>												
1	Kinh tế Quốc tế	200	7265	4204	10183								
2	Kinh tế	210	7595	4441	10883								
3	Kinh tế phát triển	200	7265	4204	10183								

### 10.3. Danh sách giảng viên

#### 10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

##### 10.3.1.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian giảng dạy đại học chính quy trong nước

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Phan Chí Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
2	Đào Thị Hà Anh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
3	Bùi Hải Cự		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Thu Hà	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
5	Trần Thị Thu Hải		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
6	Vũ Thị Minh Hiền		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
7	Trần Thị Hiền		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lý	Quản trị kinh doanh
8	Đinh Phương Hoa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Khánh Huy		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị kinh doanh
10	Đặng Thị Hương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
11	Lê Thanh Hương		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh
12	Phạm Nhật Linh		Thạc sĩ	Nghiên cứu quản lý kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh
13	Nguyễn Đăng Minh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản Trị Kinh Doanh	Quản trị kinh doanh
14	Nguyễn Thị Phi Nga		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
15	Trần Thị Nhung		Thạc sĩ	Quản trị Nguồn nhân lực	Quản trị kinh doanh
16	Cao Tú Oanh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
17	Trịnh Hoàng Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
18	Nguyễn Ngọc Quý		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực	Quản trị kinh doanh
19	Bùi Thị Quyên		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị kinh doanh
20	Nhâm Phong Tuấn	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị chiến lược (Khoa Hợp tác và phát triển quốc tế)	Quản trị kinh doanh
21	Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Quản trị kinh doanh
22	Nguyễn Thu Thảo		Thạc sĩ	Quản trị Doanh nghiệp và Sáng tạo	Quản trị kinh doanh
23	Phạm Vũ Thắng		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
24	Hoàng Thị Bảo Thoa		Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh
25	Đào Cẩm Thủy		Tiến sĩ	Quản trị Marketing	Quản trị kinh doanh
26	Hoàng Đàm Lương Thúy		Thạc sĩ	Retail Management and Marketing	Quản trị kinh doanh
27	Đỗ Thị Mỹ Trang		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị kinh doanh
28	Hoàng Trọng Trường		Thạc sĩ	Marketing quốc tế	Quản trị kinh doanh
29	Đỗ Xuân Trường		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh
30	Hoàng Xuân Vinh		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh
31	Phùng Thế Vinh		Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh
32	Nguyễn Đức Xuân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
33	Đinh Thị Quỳnh Anh		Thạc sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
34	Lương Trâm Anh		Thạc sĩ	Tài chính kế toán	Tài chính - Ngân hàng
35	Hoàng Tiến Nhật Anh		Thạc sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
36	Nguyễn Thị Linh Chi		Thạc sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
37	Nguyễn Tiến Chương		Thạc sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
38	Đỗ Đình Đình		Thạc sĩ	Phân tích kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
39	Nguyễn Phú Hà		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
40	Mai Thu Hà		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
41	Vũ Quốc Hiến		Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
42	Lưu Ngọc Hiệp		Tiến sĩ	Kinh tế học - Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
43	Nguyễn Văn Hiệu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
44	Phùng Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Tài chính và Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
45	Trịnh Thị Phan Lan		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
46	Vũ Thị Loan		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
47	Hà Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
48	Nguyễn Hồng Minh		Thạc sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
49	Nguyễn Hải Nam		Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
50	Lưu Hạnh Nguyên		Thạc sĩ	Quản trị Tài chính / Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
51	Nguyễn Thị Nhung		Tiến sĩ	Tài chính Quốc tế	Tài chính - Ngân hàng
52	Tô Lan Phương		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
53	Lê Nguyễn Hồng Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
54	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
55	Lê Hồng Thái		Tiến sĩ	Kinh tế Nông nghiệp và Thống kê tính toán	Tài chính - Ngân hàng
56	Phạm Thế Thành		Thạc sĩ	Quản lý và Tài chính	Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
57	Lê Trung Thành	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
58	Lê Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Chính sách công	Tài chính - Ngân hàng
59	Giang Thị Minh Thảo		Thạc sĩ	Quản trị rủi ro	Tài chính - Ngân hàng
60	Đỗ Thị Thơ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
61	Cù Nguyễn Hà Trang		Thạc sĩ	Ngành Tài chính và Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
62	Nguyễn Đình Trung		Tiến sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
63	Hồ Xuân Việt		Thạc sĩ	Kế toán và Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
64	Vũ Thị Hoàng Yến		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Tài chính - Ngân hàng
65	Ngô Thị Hải An		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kế toán
66	Khiếu Hữu Bình		Thạc sĩ	Kinh tế	Kế toán
67	Vũ Thị Thanh Bình		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán
68	Bùi Phương Chi		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán
69	Nguyễn Bích Diệp		Tiến sĩ	Kinh tế Ứng dụng	Kế toán
70	Trương Thu Hà		Tiến sĩ	Kinh tế giáo dục, tài chính giáo dục	Kế toán
71	Nguyễn Thị Hải Hà		Thạc sĩ	Kế toán, Kiểm toán và Phân tích	Kế toán
72	Mai Thu Hà		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kế toán
73	Vũ Thúy Hà		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán
74	Nguyễn Thị Thanh Hải		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán
75	Nguyễn Thanh Hằng		Thạc sĩ	Tin học và Thống kê tài chính, bảo hiểm và rủi ro	Kế toán
76	Nguyễn Việt Hùng		Thạc sĩ	Kế toán và Tài chính chuyên sâu	Kế toán

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
77	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Thống kê kinh tế	Kế toán
78	Phạm Quang Khoái		Tiến sĩ	Thống kê toán học	Kế toán
79	Nguyễn Trúc Lê	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Phát triển doanh nghiệp	Kế toán
80	Nguyễn Thị Hương Liên		Tiến sĩ	Phát triển Quốc tế	Kế toán
81	Lê Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
82	Trần Thê Nữ		Tiến sĩ	Kế toán- Kiểm toán- Phân tích	Kế toán
83	Đỗ Kiều Oanh		Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán
84	Phạm Ngọc Quang		Tiến sĩ	Kinh tế	Kế toán
85	Lê Thị Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Toán giải tích	Kế toán
86	Nguyễn Hoàng Thái		Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
87	Trần Phương Thảo		Thạc sĩ	Chính sách công và quản lý tài chính	Kế toán
88	Trần Thị Hoa Thơm		Tiến sĩ	Kế toán, phân tích tài chính	Kế toán
89	Nguyễn Thị Phan Thu		Thạc sĩ	Phân tích tài chính kinh tế	Kế toán
90	Nguyễn Thị Hồng Thúy		Tiến sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích	Kế toán
91	Lại Thị Minh Trang		Thạc sĩ	Khoa học về kinh tế và quản lý	Kế toán
92	Nguyễn Nam Trung		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Kế toán
93	Nguyễn Đức Việt		Thạc sĩ	Tài chính	Kế toán
94	Nguyễn Thị Như Ái		Tiến sĩ	Kinh tế Quốc tế	Kinh tế quốc tế
95	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế quốc tế
96	Lê Duy Anh		Tiến sĩ	Nghiên cứu phát triển	Kinh tế quốc tế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
97	Nguyễn Lan Anh		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
98	Vũ Thiện Bách		Thạc sĩ	Kinh Doanh Quốc Tế	Kinh tế quốc tế
99	Vũ Thế Bình		Thạc sĩ	Kinh tế	Kinh tế quốc tế
100	Trần Nguyễn Ngọc Cương		Tiến sĩ	Quản lý dự án và phát triển bền vững	Kinh tế quốc tế
101	Đông Mạnh Cường		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
102	Bùi Hồng Cường		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
103	Trần Việt Dung		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
104	Nguyễn Tiến Dũng		Tiến sĩ	Phát triển quốc tế	Kinh tế quốc tế
105	Nguyễn Thị Vũ Hà		Tiến sĩ	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế quốc tế
106	Lê Thị Việt Hà		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh tế quốc tế
107	Trịnh Thị Thu Hằng		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
108	Hà Văn Hội	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
109	Phạm Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh	Kinh tế quốc tế
110	Đậu Hoàng Hưng		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế quốc tế
111	Vũ Thanh Hương		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
112	Vũ Văn Hương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
113	Nguyễn Việt Khôi	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế/Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
114	Nguyễn Đức Lâm		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Kinh tế quốc tế
115	Trần Thế Lâm		Thạc sĩ	Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
116	Nguyễn Thị Phương Linh		Thạc sĩ	Quản lý kinh doanh quốc tế	Kinh tế quốc tế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
117	Trần Hương Linh		Thạc sĩ	Lãnh đạo thương hiệu	Kinh tế quốc tế
118	Lê Thị Khánh Ly		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
119	Mai Thị Thanh Mai		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh, Luật quốc tế	Kinh tế quốc tế
120	Nguyễn Tiến Minh		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế quốc tế
121	Lê Thị Bích Ngọc		Thạc sĩ	Kế toán và tài chính	Kinh tế quốc tế
122	Nguyễn Thị Nhàn		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
123	Phạm Thu Phương		Tiến sĩ	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế/Kinh tế đối ngoại	Kinh tế quốc tế
124	Tổng Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Kinh tế Quốc tế	Kinh tế quốc tế
125	Phạm Thị Phượng		Thạc sĩ	Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu	Kinh tế quốc tế
126	Trần An Quân		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
127	Lê Minh Tuấn		Thạc sĩ	Kinh doanh Quốc tế	Kinh tế quốc tế
128	Trần Thị Mai Thành		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
129	Đàm Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Retail Management and Marketing	Kinh tế quốc tế
130	Nguyễn Anh Thu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Phát triển quốc tế	Kinh tế quốc tế
131	Trần Thu Thủy		Thạc sĩ	Kinh tế Kinh doanh quốc tế	Kinh tế quốc tế
132	Vũ Lê Thùy Trang		Thạc sĩ	Quản trị chuỗi cung ứng	Kinh tế quốc tế
133	Nguyễn Thùy Anh		Tiến sĩ	Nghiên cứu Quốc tế	Kinh tế
134	Nguyễn Thị Phương Anh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế
135	Nguyễn Đức Bảo		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế



<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
136	Lã Thanh Bình		Thạc sĩ	Kinh tế	Kinh tế
137	Phạm Văn Dũng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
138	Vũ Duy		Tiến sĩ	Kinh tế học ứng dụng	Kinh tế
139	Lê Thị Hồng Điệp		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
140	Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế
141	Trần Đức Hiệp	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
142	Hoàng Triều Hoa		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
143	Nguyễn Thị Thu Hoài	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
144	Hoàng Thị Hương		Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Kinh tế
145	Nguyễn Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Quản lý học	Kinh tế
146	Nguyễn Thị Hương Lan		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế
147	Hồ Bảo Lâm		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
148	Nguyễn Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Kinh tế
149	Phạm Thị Linh		Tiến sĩ	Kinh tế Chính trị	Kinh tế
150	Nguyễn Văn Lộc		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế
151	Dương Thị Trà My		Thạc sĩ	Quản trị Nguồn nhân lực	Kinh tế
152	Tô Thế Nguyên	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế
153	Đỗ Hoàng Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh tế
154	Nguyễn Văn Phương		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế
155	Hoàng Ngọc Quang		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
156	Khúc Văn Quý		Tiến sĩ	Khoa học lâm nghiệp; Kinh tế phát triển	Kinh tế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
157	Phạm Ngọc Hương Quỳnh		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Kinh tế
158	Nguyễn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế
159	Đặng Trung Tuyển		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế lâm nghiệp	Kinh tế
160	Nguyễn Xuân Thành		Thạc sĩ	Quản lý Công nghiệp	Kinh tế
161	Lê Khánh Cường		Tiến sĩ	Quản lý công	Kinh tế phát triển
162	Đặng Trung Chính		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
163	Trần Công Chính		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Kinh tế phát triển
164	Trần Công Chính		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
165	Lưu Quốc Đạt	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý Công nghiệp	Kinh tế phát triển
166	Nguyễn Thị Vĩnh Hà		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
167	Lê Đình Hải	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kinh tế phát triển
168	Nguyễn Thị Hào		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực	Kinh tế phát triển
169	Đỗ Thị Minh Huệ		Thạc sĩ	Kinh tế và thương mại	Kinh tế phát triển
170	Lê Thị Huệ		Tiến sĩ	Cơ học vật rắn	Kinh tế phát triển
171	Nguyễn Thị Mai Hương		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
172	Nguyễn Thế Kiên		Tiến sĩ	Quản lý khoa học và công trình	Kinh tế phát triển
173	Hoàng Khắc Lịch		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế phát triển
174	Lê Minh Quang		Tiến sĩ	Chính sách Công	Kinh tế phát triển
175	Nguyễn Đình Tiên		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế phát triển
176	Phạm Cảnh Toàn		Thạc sĩ	Kinh tế học	Kinh tế phát triển

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
177	Nguyễn An Thịnh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Kinh tế phát triển
178	Đào Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế phát triển
179	Đào Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế phát triển
180	Chu Trọng Trí		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh tế phát triển
181	Lò Thị Hồng Vân		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lý kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển
182	Nguyễn Quốc Việt		Tiến sĩ	Kinh tế và các khoa học xã hội	Kinh tế phát triển

*10.3.1.2. Danh sách giảng viên toàn thời gian giảng dạy đại học liên kết đào tạo với nước ngoài*

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
1	William Belcher		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
2	Kwok Teng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
3	Haksoon Kim		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
4	Van Buskirk		Tiến sĩ	Khoa học chính trị	Quản trị kinh doanh
5	Earl Ingram		Tiến sĩ	Quản trị	Quản trị kinh doanh
6	Akins Ogungbure	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
7	Clint Relyea	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị	Quản trị kinh doanh
8	Ping He	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị kinh doanh
9	Jeanne S. Washburn		Tiến sĩ	Lãnh đạo giáo dục/ Quản lý tổ chức	Quản trị kinh doanh
10	Bonnie J. Covelli	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
11	Michael Stowe	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh / Kinh tế Chăm sóc sức khỏe	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
12	Nancy K.Mckenna	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật	Quản trị kinh doanh
13	David Gordon	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh/ Kinh tế/ Tài chính	Quản trị kinh doanh
14	Stephen G. Morrissette	Giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính Khởi nghiệp, Chiến lược	Quản trị kinh doanh
15	Orlando V. Griego	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
16	Richard J.Vaughan	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị	Quản trị kinh doanh
17	Joseph G.Ferrallo		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
18	Carol Lindee		Tiến sĩ	Quản trị tác nghiệp	Quản trị kinh doanh
19	Amanda Dore		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh/ Kế toán	Quản trị kinh doanh
20	Shannon Brown		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
21	Sudipta Roy	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học/ Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh

### 10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học

#### 10.3.2.1. Danh sách giảng viên thỉnh giảng giảng dạy đại học chính quy trong nước

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Đỗ Minh Cường	Nghỉ hưu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị kinh doanh
2	Đậu Trọng Chương	Khoa Kinh tế chính trị - Trường ĐH Chính trị		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
3	Trần Việt Dũng	ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
4	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Học viện Tài chính		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
5	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Tiến sĩ	Luật	Quản trị kinh doanh
6	Tạ Huy Hùng	Trường Quốc tế - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
7	Đào Thị Hương	Trường Đại học Thủy lợi		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị kinh doanh
8	Nguyễn Thị Trang Nhung	Khoa QLKD- ĐH Công nghiệp Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Văn Nhung	Tập đoàn LG		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh
10	Lê Văn Sơn	Học viện Phụ nữ Việt Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
11	Dương Minh Tú	Trường Đại học Đại Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
12	Vũ Minh Tuấn	Văn phòng Quốc hội		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
13	Lê Thị Thảo	Luật sư- Đoàn Ls Hà Nội; Trung tâm CGTT và Hỗ trợ khởi nghiệp, ĐHQGHN		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
14	Phạm Việt Thắng	ĐHQGHN		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
15	Phùng Đức Thiện	Đại học Thăng Long		Thạc sĩ	Quản trị du lịch	Quản trị kinh doanh
16	Lê Thị Yên	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị học	Quản trị kinh doanh
17	Khúc Thế Anh	Đại học Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
18	Lê Hoàng Anh	Đại học Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ	Tài chính	Tài chính - Ngân hàng
19	Ngô Anh Cường	Trường đại học LĐ XH		Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng
20	Phan Trung Chính	Nguyên GV HV CTHCQG HCM		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lý	Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
21	Đỗ Thị Diên	Đại học thương mại		Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
22	Đỗ Kim Hoàng	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Thạc sĩ	Luật	Tài chính - Ngân hàng
23	Lê Thanh Huyền	Trường ĐH Thương Mại		Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
24	Bùi Thị Minh Nguyệt	Học viện Tài chính		Thạc sĩ	Toán giải tích	Tài chính - Ngân hàng
25	Vũ Thị Thanh Thủy	Đại học Lao động xã hội		Tiến sĩ	Kinh tế	Tài chính - Ngân hàng
26	Lê Quỳnh Trang	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Phân tích chính sách, Quản lý tài chính công	Tài chính - Ngân hàng
27	Phạm Thu Trang	Đại học Thương Mại		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
28	Nguyễn Thành Trung	Đại học Kinh tế Quốc dân		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
29	Hà Văn Tuấn	Viện Kinh tế Học viện Chính trị Quốc gia HCM		Tiến sĩ	Thương mại	Quản trị kinh doanh
30	Mai Hải An	ĐH Thương mại- Bộ môn Toán		Thạc sĩ	Xác suất- Thống kê	Kế toán
31	Lưu Thị Duyên	ĐH Lao động - Xã hội		Thạc sĩ	Thống kê kinh tế - xã hội	Kế toán
32	Nguyễn Hải Dương	ĐH Kinh tế Quốc dân - Khoa Toán Kinh tế		Thạc sĩ	Toán Kinh tế	Kế toán
33	Vũ Thu Hà	Trường Đại học Công nghệ và quản lý hữu nghị Hà Nội		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
34	Đỗ Thúy Hằng	Đại học Lâm nghiệp		Thạc sĩ	Toán - Giải tích	Kế toán
35	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Đại học Công nghiệp Hà Nội - Khoa Quản lý kinh doanh		Thạc sĩ	Thống kê	Kế toán
36	Lê Đức Hoàng	Đại học Kinh tế Quốc dân- Khoa Toán Kinh tế		Thạc sĩ	Toán kinh tế	Kế toán

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
37	Nguyễn Đăng Hùng	Đại học Tài nguyên và môi trường (đã nghỉ hưu)		Thạc sĩ	Toán	Kế toán
38	Phạm Thị Hương Huyền	ĐH Kinh tế Quốc dân - Khoa Toán Kinh tế		Thạc sĩ	Toán Kinh tế	Kế toán
39	Nguyễn Hữu Mạnh	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Tiến sĩ	Luật	Kế toán
40	Nguyễn Đức Minh	ĐH Thương mại		Thạc sĩ	Tin học	Kế toán
41	Nguyễn Thị Thúy Nga	Học viện phụ nữ Việt Nam		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kế toán
42	Trần Bá Phi	Đại học Kinh tế Quốc dân_khoa Toán Kinh tế (đã hưu )		Tiến sĩ	Toán Kinh tế	Kế toán
43	Nguyễn Anh Quang	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Tài chính	Kế toán
44	Hoàng Thị Thanh Tâm	Đại học Kinh tế Quốc dân- Khoa Toán Kinh tế		Thạc sĩ	Toán	Kế toán
45	Trần Thị Ngọc Tú	Học viện Ngân hàng		Thạc sĩ	Thống kê kinh tế xã hội, kinh tế thương mại	Kế toán
46	Đỗ Thị Thúy	ĐH Lao động - Xã hội		Thạc sĩ	Thống kê Kinh tế	Kế toán
47	Tạ Thị Lê Yên	HV Ngân hàng		Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Kế toán
48	Nguyễn Thị Kim Chi	Trường ĐH Kinh tế ĐHQGHN (đã nghỉ hưu)	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế quốc tế
49	Phạm Đức Chung	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Thạc sĩ	Luật	Kinh tế quốc tế
50	Nguyễn Ích Cường	Khoa Kinh tế chính trị - Trường ĐH Chính trị		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
51	Nguyễn Cao Đức	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế quốc tế
52	Lê Hải Hà	Đại học Thương Mại		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
53	Trương Quang Hoàn	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế quốc tế
54	Nguyễn Xuân Hoàng	Khoa Kinh tế chính trị - Trường ĐH Chính trị		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
55	Hoàng Thị Thu Hương	Ban Kinh tế Trung ương		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
56	Tạ Đức Khánh	Khoa KTPT- Trường ĐHKT		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
57	Nguyễn Thị Thanh Mai	Swinburne Việt Nam		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế
58	An Thị Thanh Nhân	Trường Đại học Thương mại	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Logistics và chuỗi cung ứng	Kinh tế quốc tế
59	Nguyễn Thanh Sơn	Học viện CTQG Hồ Chí Minh		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
60	Vũ Phương Thảo	Trường Đại học Thương mại		Thạc sĩ	Logistics	Kinh tế quốc tế
61	Nguyễn Xuân Thiên	Trường ĐH Kinh tế ĐHQGHN (đã nghỉ hưu)	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế quốc tế
62	Trần Thị Lệ Thủy	Trung tâm Sáng kiến truyền thông Phát triển		Thạc sĩ	Khoa học Phát triển	Kinh tế quốc tế
63	Nguyễn Thu Trang	Đại học Ngoại Thương		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế quốc tế
64	Trần Thị Trúc	Học viện Chính sách và Phát triển		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế
65	Đoàn Quang Trung	Khoa Kinh tế chính trị - Trường ĐH Chính trị		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
66	Hoàng Xuân Trường	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Tiến sĩ	Luật	Kinh tế quốc tế
67	Đặng Thị Thu Giang	Khoa LLCT Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
68	Ngô Thái Hà	Khoa LLCT, trường ĐHSB Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế



<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
69	Đoàn Thị Hải	Học viện Tài chính		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
70	Nguyễn Thị Hạnh	Trường ĐHSPT Thái Nguyên		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
71	Bùi Đức Hậu	Sở GTVT tỉnh Hòa Bình		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Kinh tế
72	Đỗ Thị Thu Hiền	Học viện Tài Chính		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
73	Vũ Thị Thu Hương	Khoa LLCT, Học viện tài chính		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
74	Phạm Văn Kim	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
75	Nguyễn Nhật Linh	Quỹ ĐTPPT Hà Tĩnh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Kinh tế
76	Nguyễn Thị Nhung	Khoa GDCT, trường ĐHSPTN2		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
77	Nguyễn Nhật Tân	Trường ĐHSPT Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
78	Vũ Thị Hồng Thắm	Khoa LLCT. Học Viện tài Chính		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
79	Nguyễn Thị Thìn	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế
80	Vương Thị Bích Thủy	Học viện Chính trị Khu vực I		Thạc sĩ	Chính sách công	Kinh tế
81	Chu Thị Lê Anh	Học viện Chính trị khu vực I		Thạc sĩ	Khoa học quản lý	Kinh tế phát triển
82	Trần Thị Phương Dịu	Học viện Tài chính		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
83	Phạm Thị Hà Giang	Đại học Kiến trúc Hà Nội		Tiến sĩ	Toán - Cơ	Kinh tế phát triển
84	Nguyễn Thị Hiên	ĐH Thương mại- Bộ môn Toán		Thạc sĩ	Toán	Kinh tế phát triển
85	Nguyễn Thị Kiều	Đại học Kiến trúc Hà Nội		Tiến sĩ	Toán-Cơ	Kinh tế phát triển

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
86	Cao Ngọc Lân	Viện Chiến lược phát triển		Tiến sĩ	Kinh tế và quản lý	Kinh tế phát triển
87	Đình Hoài Nam	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Thạc sĩ	Luật	Kinh tế phát triển
88	Cao Tuấn Phong	Viện Kinh tế VN		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển
89	Nguyễn Thị Hồng Tâm	Viện kinh tế VN		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế phát triển
90	Đỗ Xuân Tùng	Đại học Kiến trúc Hà Nội		Tiến sĩ	Toán-Cơ	Kinh tế phát triển
91	Phạm Thị Thắng	Học viện Tài Chính		Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế phát triển
92	Lê Huyền Trang	Đại học Ngoại Thương		Thạc sĩ	Kinh tế và quản lý môi trường	Kinh tế phát triển
93	Nguyễn Thị Thùy Trang	Đại học Kinh tế Quốc dân- Khoa Toán Kinh tế		Thạc sĩ	Điều khiển học kinh tế	Kinh tế phát triển

*10.3.2.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng giảng dạy đại học liên kết đào tạo với nước ngoài*

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Thị Thùy Phương	Đại học TROY, Hoa Kỳ		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh
2	Vũ Kim Thư	Đại học TROY, Hoa Kỳ		Thạc sĩ	Hội họa	Quản trị kinh doanh
3	Vũ Hồng Thao	ĐH Xây dựng Hà Nội		Thạc sĩ	Hội họa	Quản trị kinh doanh
4	Đỗ Kiên Cường	Đại học TROY, Hoa Kỳ		Thạc sĩ	Âm nhạc	Quản trị kinh doanh
5	Nguyễn Quốc Hưng	Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Vật lý	Quản trị kinh doanh
6	Đặng Văn Sơn	Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu	Quản trị kinh doanh
7	Phạm Văn Thủy	Trường ĐH KHXHNV - ĐHQGHN	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Lịch sử	Quản trị kinh doanh

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
8	Nguyễn Nhật Linh	Trường ĐH KHxHNv - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới	Quản trị kinh doanh
9	Tổng Thành Trung	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ	Toán học	Quản trị kinh doanh
10	Nguyễn Trung Hiếu	Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán học	Quản trị kinh doanh
11	Nguyễn Thế Cường	Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Toán học	Quản trị kinh doanh
12	Đỗ Quốc Bình	Trường Đại học FPT Hà Nội		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Quản trị kinh doanh
13	Vương Thị Nhung	Trường Đại học Hà Nội		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Quản trị kinh doanh
14	Giang Anh Tuấn	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Quản trị kinh doanh
15	Phạm Xuân Trường	Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế học	Quản trị kinh doanh
16	Nguyễn Mạnh Thế	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ	Thống kê và Kinh tế lượng	Quản trị kinh doanh
17	Đỗ Thị Phúc	ĐHKHTN - ĐHQGHN	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học	Quản trị kinh doanh
18	Hoàng Phương Linh	Trường ĐH Hà Nội		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Quản trị kinh doanh
19	Phạm Đức Cường	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Kế toán, Kiểm toán và Phân tích	Quản trị kinh doanh
20	Nguyễn Bích Thảo	Trường Đại học Luật - ĐHQGHN		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị kinh doanh
21	Phan Thị Thanh Thủy	Trường Đại học Luật - ĐHQGHN	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật kinh tế	Quản trị kinh doanh
22	Đào Trọng Khôi	Trường Đại học Luật - ĐHQGHN		Thạc sĩ	Luật quốc tế	Quản trị kinh doanh
23	Dương Thị Hoài Nhung	Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Chức danh khoa học</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chuyên môn đào tạo</b>	<b>Ngành tham gia giảng dạy</b>
24	Nghiêm Bảo Anh	Công ty CP Đức Quang Minh		Thạc sĩ	Quản trị Marketing	Quản trị kinh doanh
25	Đoàn Thị Thu Trang	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Kinh tế Quốc tế	Quản trị kinh doanh
26	Trần Hồng Nhung	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		Thạc sĩ	Marketing/ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
27	Trần Thị Thùy Linh	Trường ĐH Hà Nội		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
28	Dương Mạnh Cường	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
29	Vũ Hoàng Nam	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
30	Nguyễn Minh Phúc	Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội		Tiến sĩ	Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị kinh doanh
31	Trần Thị Lan Hương	Trường Quốc tế - ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Quản trị kinh doanh
32	Phạm Thị Tuyết Mai	Trường Quốc tế - ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Quản trị kinh doanh
33	Nguyễn Thị Thu Huyền	Trường Quốc tế - ĐHQGHN		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Quản trị kinh doanh
34	Nguyễn Vũ Hào	Trường ĐH KH XHN - ĐHQGHN	Giáo sư	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị kinh doanh

## 11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường

Đề án tuyển sinh được công khai tại đường link: <https://ueb.edu.vn/Tuyen-Sinh/UEB/THONG-TIN-TUYEN-SINH/1730/1731/1737>

## 12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử:

- Quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 1328/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/04/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN được công khai tại đường link: <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C2228/N32776/Quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-tai-dHQGHN.htm>

## II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

### 1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

#### \* Đối tượng, điều kiện tuyển sinh chung

Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, bao gồm:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam **hoặc** có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

**1.1. Đối tượng xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023** (theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

**1.2. Đối tượng xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức**

Thí sinh sử dụng kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức còn thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển.

**1.3. Đối tượng xét tuyển theo chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn**

Thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT **kết hợp** kết quả học tập trung bình 5 học kỳ bậc THPT của 02 môn trong tổ hợp xét tuyển và **kết hợp** phỏng vấn

**1.4. Đối tượng xét tuyển theo chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT **kết hợp** kết quả 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc tổ hợp xét tuyển.

**1.5. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT** (quy định tại khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường) **hoặc** đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế (có nội dung dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý).

**1.6. Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN** (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN; Công văn số 1365/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/04/2022 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2022)

- Học sinh THPT;
- Học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

**1.7. Đối tượng Ưu tiên xét tuyển**

**1.7.1. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT** (quy định tại khoản 5, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học)

Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường) **hoặc** thí sinh đạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (có nội dung dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý).

**1.7.2. Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN** (quy định tại Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học tại ĐHQGHN; Công văn số 1365/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/04/2022 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2022)

- Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN;
- Học sinh THPT;

**1.8. Đối tượng xét tuyển các chứng chỉ quốc tế**

**1.8.1. Đối tượng xét tuyển theo kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)** (theo quy định tại Công văn số 1365/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/04/2022 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2022)

Thí sinh sử dụng kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT.

**1.8.2. Đối tượng xét tuyển theo kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing)** (theo quy định tại Công văn số 1365/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/04/2022 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2022)

Thí sinh sử dụng kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT.

**1.8.3. Đối tượng xét tuyển theo chứng chỉ A-level** (theo quy định tại Công văn số 1274/ĐHQGHN-ĐT ngày 07/05/2021 của ĐHQGHN về việc bổ sung đơn vị cấp chứng chỉ A-Level và Công văn số 1365/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/04/2022 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2022)

Thí sinh sử dụng Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; gọi tắt là chứng chỉ A-Level) và chứng chỉ quốc tế A-Level của tổ chức Pearson Edexcel để tổ hợp 3 môn thi.

**1.9. Đối tượng xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học**

Thí sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học.

**1.10. Đối tượng xét tuyển sinh viên quốc tế**

Trường Đại học Kinh tế tuyển sinh người nước ngoài theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (quy định tại khoản 4, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học) và theo Quy định thu hút sinh viên quốc tế của Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017).

**1.11. Đối tượng xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao** (quy định tại khoản 4, Điều 8 của Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học và Quyết định số 3030/QĐ-ĐHQGHN ngày 14/10/2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành đề án đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao)

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) **hoặc** đã tốt nghiệp trung cấp **hoặc** đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và đáp ứng 1 trong các tiêu chí sau:

- Là thành viên đội tuyển quốc gia, được Tổng cục Thể dục Thể thao xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức.
- Vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố và toàn quốc; các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia.
- Vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên nước ngoài đã từng đạt huy chương tại các giải thể thao của thành phố, bang, quốc gia.

**1.12. Đối tượng xét tuyển liên kết đào tạo với nước ngoài**

Thí sinh sử dụng kết quả học bạ hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN kết hợp cùng chứng chỉ Quốc tế được quy định tại các mục 5.2, 7.1.2, 7.2.2, 7.3.2, 7.4.2 dưới đây để xét tuyển vào các chương trình liên kết đào tạo do đối tác nước ngoài cấp bằng.

**2. Phạm vi tuyển sinh**

Trường Đại học Kinh tế tuyển sinh các thí sinh trên phạm vi cả nước và tuyển sinh người nước ngoài theo quy định nêu trên.

### 3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

#### 3.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

Năm 2023, Trường Đại học Kinh tế tuyển sinh theo các phương thức sau:

STT	Phương thức xét tuyển	Chi tiết tại các mục thuộc phần II của Đề án
1	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	Các mục: 1.1, 5.1.1, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.1, 7.4.1, 7.4.1.1, 8.1
2	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức	Các mục: 1.2, 5.1.2, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.2, 7.4.1, 7.4.1.2
3	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	Các mục: 1.3, 5.1.3, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.3, 7.4.1, 7.4.1.3
4	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	Các mục: 1.4, 5.1.4, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.4, 7.4.1
5	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	Các mục: 1.5, 5.1.5, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.5, 7.4.1
6	Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	Các mục: 1.6, 5.1.6, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.6, 7.4.1
7	Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	Các mục: 1.7, 5.1.7, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.7, 7.4.1
8	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác: - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level	Các mục: 1.8, 5.1.7, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.8, 7.4.1
9	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	Các mục: 1.9, 5.1.9, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.8, 7.4.1
10	Xét tuyển sinh viên quốc tế	Các mục 1.10, 5.1.10, 7.1.1, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.10, 7.4.1
11	Tuyển sinh ngành QTKD dành cho các tài năng thể thao	Các mục: 1.11, 5.1.10, 7.11, 7.2.1, 7.3.1, 7.3.1.11, 7.4.1, 7.4.1.4

#### 3.2. Tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài

STT	Phương thức xét tuyển	Chi tiết tại các mục thuộc phần II của Đề án
1	<b>Quản trị kinh doanh</b> (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng)	Các mục: 1.12, 5.2, 7.1.2, 7.2.2, 7.3.2, 7.4.2
2	<b>Quản trị kinh doanh</b> (do Đại học St.Francis, Hoa Kỳ cấp bằng)	



#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

##### 4.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT										
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác		
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4				
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)											
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>					<b>1035</b>											
<b>1</b>	<b>Ngành Quản trị kinh doanh</b>					<b>435</b>											
	Đại học	7340101/73401	Quản trị kinh doanh /Kinh doanh	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	200	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh			
402				Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023	40											Q00	
410				Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	120												E41
409				Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	5												E49
301				Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	5												E31
303				Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	5												E33
501				Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	2												E51

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác	
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)										
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác: - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level	2										E48
				502	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	5										E52
				503	Xét tuyển sinh viên quốc tế	1										E53
					Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao	50										
<b>2</b>	<b>Ngành Tài chính – Ngân hàng</b>					<b>330</b>										
	Đại học	7340201 /73402	Tài chính – Ngân hàng	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	190	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh		
chính – Ngân hàng –			402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023	90											Q00
chính – Ngân hàng –			410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	35											E41

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT									
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023							Tổ hợp xét tuyển phương thức khác		
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn		Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)										
			Bảo hiểm	409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	5										E49
				301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	2										E31
				303	Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	4										E33
				501	Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	1										E51
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác: - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level	1										E48
				502	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	1										E52
				503	Xét tuyển sinh viên quốc tế	1										E53

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT								
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)									
<b>3</b>	<b>Ngành Kế toán</b>					<b>270</b>									
	Đại học	7340301 /73403	Kế toán /Kế toán – Kiểm toán	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	190	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh	
				402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023	40									Q00
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	20									E41
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	10									E49
				301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	1									E31
				303	Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	5									E33
				501	Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	1									E51
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác: - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT	1									E48

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác			
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023											
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4					
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)												
					- Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level													
				502	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	1										E52		
				503	Xét tuyển sinh viên quốc tế	1										E53		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi</b>					<b>985</b>												
<b>I</b>	<b>Ngành Kinh tế quốc tế</b>					<b>425</b>												
	Đại học	7310106 /73101	Kinh tế quốc tế /Kinh tế học	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh				
402				Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023	30												Q00	
410				Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	175													E41
409				Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	5													E49
301				Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	1													E31

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT								
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)									
				303	Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	10									E33
				501	Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	1									E51
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác: - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level	1									E48
				502	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	1									E52
				503	Xét tuyển sinh viên quốc tế	1									E53
<b>2</b>	<b>Ngành Kinh tế</b>					<b>290</b>									
	Đại học	7310101 /73101	Kinh tế /Kinh tế học	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh	
402				Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023	60										

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT										
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác		
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4				
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)											
				410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	15											E41
				409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	5											E49
				301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	2											E31
				303	Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	3											E33
				501	Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	1											E51
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác: - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level	2											E48
				502	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	1											E52

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác	
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)										
				503	Xét tuyển sinh viên quốc tế	1										E53
<b>3</b>	<b>Ngành Kinh tế phát triển</b>					<b>270</b>										
Đại học	7310105 /73101	Kinh tế phát triển /Kinh tế học	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	190	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh			
			402	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023	40											Q00
			410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn	20											E41
			409	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	10											E49
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	2											E31
			303	Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN	3											E33
			501	Ưu tiên xét tuyển: (1) theo Quy chế của Bộ GD&ĐT (2) theo Quy định của ĐHQGHN	1											E51
			408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác:	1											E48



STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành	Ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT										
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác		
							Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4				
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)											
					- Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT - Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT - Xét tuyển chứng chỉ A-level												
				502	Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học	2											E52
				503	Xét tuyển sinh viên quốc tế	1											E53
				<b>Tổng</b>		<b>2020</b>											

**\*Lưu ý:**

(1) Trường hợp thí sinh xét tuyển theo từng phương thức trong phương thức khác nhập học ít hơn chỉ tiêu được duyệt, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển phương thức xét tuyển còn lại trong phương thức khác.

(2) Trường hợp thí sinh xét tuyển theo các phương thức khác nhập học ít hơn chỉ tiêu được duyệt, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

(3) *Tổ hợp xét tuyển:*

- A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh).

- D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh).

- D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh).

- D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh).

## 4.2. Tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài

### 4.2.1. Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng)

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Mã xét tuyển	Ngành học/ Nhóm ngành	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT								
								Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023								Tổ hợp xét tuyển phương thức khác
								Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
								Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
<b>Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng)</b>						<b>200</b>										
1	Đại học	7340101	QHE80	Quản trị kinh doanh (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng)	504	Xét tuyển thẳng	45									
					505	Xét học bạ THPT	130									
					506	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	15	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D07	Tiếng Anh	D08	Tiếng Anh	
					507	Xét kết quả thi 'Đánh giá năng lực' do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	5									
					508	Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác	4									
					509	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	1									

4.2.2. Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học St.Francis, Hoa Kỳ cấp bằng)

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Mã xét tuyển	Ngành học/ Khối ngành	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT														Tổ hợp xét tuyển phương thức khác		
								Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023																
								Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		Tổ hợp xét tuyển 5		Tổ hợp xét tuyển 6		Tổ hợp xét tuyển 7				
Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính									
Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học St.Francis, Hoa Kỳ cấp bằng)								150																
1	Đại học	7340101	QHE89	Quản trị kinh doanh (do Đại học St.Francis, Hoa Kỳ cấp bằng)	504	Xét tuyển thẳng	20																	
					505	Xét học bạ THPT	110																	
					506	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	15	A01	Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh	D07	Tiếng Anh	D08	Tiếng Anh	D09	Tiếng Anh	D10	Tiếng Anh	D84	Tiếng Anh			
					507	Xét kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	3																	
					508	Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác	1																	
					509	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài	1																	

**\*Lưu ý:**

- A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh).
- D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh).
- D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh).
- D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh).
- D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh).
- D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh).
- D84 (Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh).

## **5. Ngưỡng đầu vào**

### **5.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước**

#### **5.1.1. Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Trường Đại học Kinh tế sẽ thông báo cụ thể ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

#### **5.1.2. Xét tuyển kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức**

Thí sinh đáp ứng ngưỡng đầu vào sau:

- Kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức còn thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đạt tối thiểu 80/150 điểm.
- Điểm trung bình chung môn Tiếng Anh mỗi học kỳ trong 5 học kỳ bậc THPT (*lớp 10, lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12*) đạt tối thiểu 7.0 hoặc có chứng chỉ IELTS đạt từ 5.5 trở lên hoặc có chứng chỉ TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên.

#### **5.1.3. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn**

Thí sinh đáp ứng điều kiện sau:

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

+ Ngành Quản trị kinh doanh và ngành Kinh tế quốc tế: Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 6.5 trở lên *hoặc* TOEFL iBT đạt từ 88 trở lên.

+ Ngành Tài chính – Ngân hàng, ngành Kế toán, ngành Kinh tế, ngành Kinh tế phát triển: Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 5.5 trở lên *hoặc* TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên.

- Kết quả học tập trung bình 5 học kỳ bậc THPT (*lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12*) của 02 môn trong tổ hợp xét tuyển (*trong đó có môn Toán + Văn/Vật lý/Địa/Sử*) đạt từ 15.0 điểm trở lên.

#### **5.1.4. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh đáp ứng điều kiện sau:

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 5.5 trở lên *hoặc* TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên.

- Kết quả 02 môn thi tốt nghiệp THPT thuộc tổ hợp xét tuyển (*trong đó có môn Toán + Văn/Vật lý/Địa/Sử*) đạt từ 15.0 điểm trở lên.

#### **5.1.5. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT**

Thí sinh đạt giải ba trở lên một trong các kỳ thi sau:

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế *hoặc* quốc gia;
- Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế *hoặc* cấp quốc gia.

#### **5.1.6. Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN**

Thí sinh đạt giải chính thức một trong các kỳ thi sau:

- Kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;
- Kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN *hoặc* kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

### **5.1.7. Ưu tiên xét tuyển**

#### **5.1.7.1. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT**

Thí sinh đáp ứng điều kiện sau:

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Nhà trường.

- Đáp ứng một trong các tiêu chí giải thưởng sau:

- (1) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia.
- (2) Thí sinh đạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

#### **5.1.7.2. Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN**

Thí sinh đáp ứng điều kiện sau:

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Nhà trường;

**- Đối với học sinh THPT:**

Thí sinh đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- (1) Đạt giải ba trở lên một trong các kỳ thi sau: Kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN **hoặc** kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (*điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên*);
- (2) Tham gia cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên;

**- Đối với học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN:**

Thí sinh đạt giải nhất, giải nhì, giải ba một trong các kỳ thi sau: Kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế; kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN.

#### **5.1.8. Phương thức xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác**

Thí sinh đáp ứng ngưỡng đầu vào sau:

**- Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)**

Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT đạt điểm từ 1100/1600 trở lên.

**- Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing)**

Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT đạt điểm từ 22/36, trong đó các điểm thành phần môn Toán (Mathematics)  $\geq 35/60$  và môn Khoa học (Science)  $\geq 22/40$

**- Xét tuyển chứng chỉ quốc tế A-Level:**

- (1) Chứng chỉ A-Level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Anh):  
Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (*tương ứng điểm C, PUM range  $\geq 60$* );
- (2) Chứng chỉ A-Level của Tổ chức Pearson Edexcel: Thí sinh cần đạt 7/9 điểm trở lên;

#### **5.1.9. Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học**

Thí sinh đáp ứng ngưỡng đầu vào sau: Điểm tổng kết cuối năm các môn học chính khóa **đạt từ 5.0 trở lên.**

### **5.1.10. Đối với phương thức xét tuyển sinh viên quốc tế, phương thức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh**

Ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của mỗi phương thức xét tuyển.

### **5.2. Tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài**

Thí sinh sử dụng kết quả học bạ hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN kết hợp cùng chứng chỉ Quốc tế (được quy định tại các mục 7.1.2, 7.2.2, 7.3.2, 7.4.2 thuộc phần II dưới đây) để xét tuyển vào các chương trình Cử nhân liên kết liên kết đào tạo do đối tác nước ngoài cấp bằng.

### **6. Các thông tin cần thiết khác**

- Mã Trường: QHE

- Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển:

Chi tiết tại mục 4 (Chỉ tiêu) thuộc phần II (Tuyển sinh đại học chính quy)

### **7. Tổ chức tuyển sinh (thời gian, hình thức nhận hồ sơ, điều kiện nhận hồ sơ, điều kiện xét tuyển)**

#### **7.1. Thời gian**

##### **7.1.1. Thời gian tuyển sinh đại học chính quy trong nước**

- Xét tuyển sớm:

Nhà trường tổ chức xét tuyển sớm đối với các phương thức: (1) xét tuyển kết quả đánh giá năng lực; (2) xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn; (3) xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT; (4) xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN; (5) xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác (SAT, A-Level, ACT); (6) xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học; (7) xét tuyển sinh viên quốc tế.

- Xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT:

Nhà trường thực hiện xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT đối với các phương thức xét tuyển sau: (1) xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023; (2) xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT; (3) ưu tiên xét tuyển.

- Xét tuyển theo kế hoạch riêng của Nhà trường: Nhà trường tổ chức xét tuyển 02 đợt trong năm 2023 đối với phương thức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao năm 2023.

##### **7.1.2. Thời gian tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài**

- Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng): Từ ngày 01/02/2023

- Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng): Từ ngày 01/02/2023

## **7.2. Hình thức nhận hồ sơ**

### **7.2.1. Hình thức nhận hồ sơ tuyển sinh đại học chính quy trong nước**

- Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT theo thời gian quy định.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên phần mềm xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế tại địa chỉ <http://xettuyendaihoc.ueb.edu.vn/Home/Index> và gửi hồ sơ bản giấy sau khi đăng ký trực tuyến thành công qua hình thức chuyển phát nhanh theo kế hoạch của Nhà trường (*chi tiết tại Thông báo tuyển sinh*) đối với các phương thức xét tuyển sau:

- (1) Xét tuyển kết quả thi ĐGNL;
- (2) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn;
- (3) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- (4) Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT;
- (5) Xét tuyển thẳng theo Quy định của ĐHQGHN;
- (6) Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác (SAT, A-Level, ACT);
- (7) Ưu tiên xét tuyển;

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp theo kế hoạch của Nhà trường tại Thông báo tuyển sinh đối với các phương thức xét tuyển sau:

- (1) Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học;
- (2) Xét tuyển sinh viên quốc tế;
- (3) Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao năm 2023.

### **7.2.2. Hình thức nhận hồ sơ tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài**

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên phần mềm xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế và gửi hồ sơ bản giấy qua hình thức chuyển phát nhanh.

## **7.3. Điều kiện nhận hồ sơ**

### **7.3.1. Điều kiện nhận hồ sơ tuyển sinh đại học chính quy trong nước**

#### **\* Điều kiện chung:**

- Số nguyện vọng đăng ký:

- (1) Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.
- (2) Xét tuyển theo các phương thức khác: Thí sinh được đăng ký xét tuyển tối đa 02 nguyện vọng vào Trường và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

- Thời hạn chứng chỉ, kết quả, giải thưởng

- (1) Kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày dự thi đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển;

- (2) Các chứng chỉ, kết quả thi (*Chứng chỉ IELTS/TOEFL iBT, kết quả thi SAT, chứng chỉ A-Level, kết quả ACT*) cần đáp ứng: Còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày dự thi đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển;
- (3) Các giải thưởng (*sử dụng trong xét tuyển thẳng/ưu tiên xét tuyển*) cần đáp ứng: Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- (4) Các giải thưởng (*sử dụng trong xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao*) cần đáp ứng: Thời gian đạt giải không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển;

- *Yêu cầu của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:*

(1) *Đơn vị cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế*

√ Chứng chỉ IELTS: do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp

√ Chứng chỉ TOEFL iBT: do Educational Testing Service (ETS) cấp

(2) *Hình thức thi của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:* Thí sinh không sử dụng chứng chỉ tiếng Anh thi trực tuyến để đăng ký xét tuyển.

(3) *Yêu cầu điểm của 4 kỹ năng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:*

STT	Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	Điểm tối thiểu của mỗi kỹ năng			
		<i>Nghe</i>	<i>Nói</i>	<i>Đọc</i>	<i>Viết</i>
1	IELTS	4.5	4.5	4.5	4.5
2	TOEFL iBT	15	15	15	15

### **7.3.1.1. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển theo quy định của Nhà trường (*chi tiết tại mục 4 (Chỉ tiêu) thuộc phần II (Tuyển sinh đại học chính quy)*) để đăng ký xét tuyển: A01, D01, D09, D10.

### **7.3.1.2. Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức**

Thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

- Kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày dự thi đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển) đạt tối thiểu 80/150 điểm trở lên.

- Điểm trung bình chung môn Tiếng Anh mỗi học kỳ trong 5 học kỳ bậc THPT (lớp 10, lớp 11, Học kỳ 1 lớp 12) đạt tối thiểu 7.0 *hoặc* có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 5.5 trở lên *hoặc* có chứng chỉ TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên.

### **7.3.1.3. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn**

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS *hoặc* chứng chỉ TOEFL iBT (*theo bảng dưới đây*) kết hợp kết quả học tập trung bình 5 học kỳ bậc THPT (*lớp 10, lớp*



11 và học kỳ 1 lớp 12) của 02 môn trong tổ hợp xét tuyển (trong đó có môn Toán + Ngữ văn/Vật lý/Địa lý/Lịch sử) từ 15.0 điểm trở lên:

STT	Ngành	Trình độ IELTS đạt tối thiểu	Trình độ TOEFL iBT đạt tối thiểu
1	Kinh tế quốc tế	6.5	88
2	Quản trị kinh doanh	6.5	88
3	Tài chính ngân hàng	5.5	72
4	Kinh tế	5.5	72
5	Kế toán	5.5	72
6	Kinh tế phát triển	5.5	72

- Chứng chỉ IELTS hoặc TOEFL iBT được quy đổi theo bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10:

**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ  
SANG THANG ĐIỂM 10**

STT	Trình độ IELTS	Trình độ TOEFL iBT	Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
1	5.5	72-78	8.50
2	6.0	79-87	9.00
3	6.5	88-95	9.25
4	7.0	96-101	9.50
5	7.5	102-109	9.75
6	8.0-9.0	110-120	10.00

**7.3.1.4. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 5.5 trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên (điểm được quy đổi theo bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10 tại mục 7.3.1.3) kết hợp kết quả 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.0 điểm trở lên.

**7.3.1.5. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT**

- Thí sinh được xét tuyển thẳng theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- (1) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường);
- (2) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế (có nội dung đề tài thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý);

(3) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (môn thi đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường);

(4) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, (có nội dung đề tài thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý);

- Lưu ý đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế **hoặc** Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia:

(1) Thí sinh phải nộp kèm nội dung đề tài đạt giải;

(2) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế: Thí sinh nộp kèm Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT và Giấy chứng nhận đạt giải;

(3) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia: Thí sinh nộp kèm Quyết định cử tham dự của Sở GD&ĐT địa phương và Giấy chứng nhận đạt giải;

#### **7.3.1.6. Xét tuyển thẳng theo Quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội**

- Thí sinh là học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên/lớp chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các trường THPT trọng điểm quốc gia (**theo danh sách kèm theo Phụ lục 1**), có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt được xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với môn thi **hoặc** nội dung đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(1) **Tiêu chí 1:** Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế (có nội dung đề tài thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý);

Thí sinh phải nộp kèm:

+ Nội dung đề tài đạt giải;

+ Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT;

(2) **Tiêu chí 2:** Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường);

(3) **Tiêu chí 3:** Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường);

#### **7.3.1.7. Ưu tiên xét tuyển**

##### **a, Phương thức Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT**

Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo quy định của Nhà trường được ưu tiên xét tuyển vào các ngành phù hợp với môn thi **hoặc** đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(1) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường).

(2) Thí sinh đạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (có nội dung đề tài thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý).

Thí sinh phải nộp kèm:

- + Nội dung đề tài đạt giải;
- + Quyết định cử tham dự của các Sở GD&ĐT;

**b, Phương thức Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của ĐHQGHN**

Thí sinh là học sinh các trường THPT trên toàn quốc, có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT, có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo quy định của Nhà trường được ưu tiên xét tuyển khi đáp ứng:

**- Học sinh THPT**

Thí sinh đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- (1) *Tiêu chí 1:* Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường);
- (2) *Tiêu chí 2:* Là thành viên tham gia cuộc thi tháng của chương trình “**Đường lên đỉnh Olympia**” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên;
- (3) *Tiêu chí 3:* Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, có môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên;

**- Học sinh hệ không chuyên của các trường THPT thuộc ĐHQGHN**

Thí sinh đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- (1) *Tiêu chí 1:* Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế (có nội dung dự án, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc 2 lĩnh vực: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý);

Thí sinh phải nộp kèm:

- + Nội dung đề tài đạt giải;
- + Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT;

- (2) *Tiêu chí 2:* Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN (môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của nhà trường);

- (3) *Tiêu chí 3:* Có kết quả thi Đánh giá năng lực bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023 đạt tối thiểu 90/150 điểm;

**7.3.1.8. Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác**

**a, Phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)**

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT đạt điểm từ 1100/1600 trở lên được xét tuyển vào Trường Đại học Kinh tế.

- Khi đăng ký thi SAT, thí sinh cần khai báo mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT là **7853-Vietnam National University-Hanoi**;

**b, Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing)**

Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT đạt điểm từ 22/36, trong đó các điểm thành phần môn Toán (Mathematics)  $\geq 35/60$  và môn Khoa học (Science)  $\geq 22/40$ .

### ***c, Phương thức xét tuyển chứng chỉ quốc tế A-Level***

Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level của một trong hai tổ chức dưới đây để tổ hợp 3 môn thi (trong đó có môn Toán) như sau:

- Chứng chỉ A-Level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Anh): Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range  $\geq 60$ )
- Chứng chỉ A-Level của Tổ chức Pearson Edexcel: Thí sinh cần đạt từ 7/9 điểm trở lên;

#### ***7.3.1.9. Xét tuyển học sinh thuộc các trường dự bị đại học***

Thí sinh đáp ứng các tiêu chí sau:

- Tính đến thời điểm xét tuyển, đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);
- Xếp loại rèn luyện cả năm học dự bị đại học đạt loại khá trở lên;
- Điểm tổng kết cuối năm các môn học chính khóa đạt từ 5.0 trở lên;

#### ***7.3.1.10. Xét tuyển sinh viên quốc tế***

Nhà trường thực hiện xét tuyển sinh viên quốc tế theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy định thu hút sinh viên quốc tế của ĐHQHN.

Thí sinh đáp ứng các tiêu chí sau:

- Tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương.
- Có đủ trình độ tiếng Việt đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo.
- Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu được các cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.
- Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập tương ứng.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

#### ***7.3.1.11. Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao***

Thí sinh đáp ứng một trong các điều kiện sau:

*a, Điều kiện nhận hồ sơ phương thức xét tuyển 1*

Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia, được Tổng cục Thể dục Thể thao xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức theo cấp độ, quy mô giải như sau:

- (1) Đại hội Olympic;
- (2) Vô địch thế giới từng môn thể thao;
- (3) Cúp thế giới;
- (4) Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD);
- (5) Đại hội Olympic trẻ;
- (6) Giải vô địch Châu Á;
- (7) Cúp Châu Á;
- (8) Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games);

(9) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao;

*b, Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển phương thức xét tuyển 2*

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố và toàn quốc; các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia;

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên nước ngoài đã từng đạt huy chương tại các giải thể thao của thành phố, bang, quốc gia được xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc Gia Hà Nội và các quy định hiện hành, tự nguyện tham gia học và đóng học phí theo quy định của chương trình;

**7.3.2. Điều kiện nhận hồ sơ tuyển sinh đại liên kết đào tạo với nước ngoài**

**7.3.2.1. Điều kiện nhận hồ sơ ngành Quản trị kinh doanh do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng**

**a, Phương thức 1: Xét tuyển thẳng khi thí sinh thỏa mãn 02 điều kiện:**

- Điều kiện 1: Điểm trung bình chung 4/6 học kỳ ở bậc THPT đạt tối thiểu 8,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.50 theo thang điểm 4.0). Hai học kỳ còn lại đạt 7,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.0 theo thang điểm 4) trở lên;

- Điều kiện 2: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**b, Phương thức 2: Xét kết quả học bạ THPT khi thí sinh đáp ứng đủ 03 điều kiện:**

- Điều kiện 1: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0);

- Điều kiện 2: Tổng điểm trung bình 3 môn học cả năm lớp 12 của 1 trong 4 tổ hợp sau đạt 21.0 điểm trở lên, trong đó điểm môn tiếng Anh tối thiểu là 7,0/10:

- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;
- D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh;
- D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh;

- Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**c, Phương thức 3: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc Kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức khi thí sinh đáp ứng 3 điều kiện sau:**

- Điều kiện 1: Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển: A01/D01/D07/D08 đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN áp dụng cho Chương trình BSBA-TROY, mã ngành QHE80 và điểm trung bình chung các môn thi tốt nghiệp THPT đạt 5,0 trở lên, trong đó điểm Tiếng Anh đạt tối thiểu 6,5 và không có điểm liệt đối với các môn còn lại. Đối với

các thí sinh sử dụng kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức cần đạt 80/150 điểm trở lên.

- Điều kiện 2: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0).

- Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

**\* Lưu ý về điều kiện tiếng Anh:**

- Thí sinh đạt các điều kiện về kết quả học và/hoặc điểm thi tốt nghiệp ở bậc THPT nhưng chưa có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt trình độ theo yêu cầu được công nhận trúng tuyển có điều kiện nếu có một trong 2 kết quả dưới đây: (i) điểm tiếng Anh tại Kỳ thi THPT đạt 6,5/10 trở lên; hoặc (ii) điểm trung bình môn Tiếng Anh lớp 12 đạt tối thiểu 7,0/10.

- Sinh viên thuộc các trường hợp trúng tuyển có điều kiện sẽ được kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh để xếp lớp học bổ sung kiến thức tiếng Anh và luyện thi lấy chứng chỉ đạt trình độ theo yêu cầu. Thời gian cần nộp được chứng chỉ tiếng Anh là không quá 1 năm kể từ khi có thông báo trúng tuyển có điều kiện.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh do các trường đại học trong nước cấp phải nộp được chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu IELTS 5.5, TOEFL iBT 72 hoặc tương đương trước khi đăng ký học phần do Đại học Troy đảm nhiệm (trừ các trường hợp được Đại học Troy chấp nhận, bao gồm nhưng không giới hạn đối với đối tượng có chứng chỉ quốc tế ACT, SAT hoặc A/AS Level ...như nêu trong ‘Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác’ dưới đây).

**d, Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác:**

(1) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có một trong các chứng chỉ quốc tế khi tham gia các bài thi đánh giá năng lực sau (còn trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ) được xét tuyển vào chương trình và không phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

- Bài thi ACT đạt tối thiểu điểm 20/36 (trong đó điểm thành phần tiếng Anh tối thiểu là 18);

- Bài thi SAT đạt từ 1050/1600 điểm trở lên (trong đó điểm đọc và viết không dưới 480, chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển);

- Chứng chỉ A Level do Cambridge International Examination (CIE) cấp với kết quả 3 môn học theo các khối xét tuyển tương ứng (các môn: Toán - Tiếng Anh – Vật lý - Hóa – Sinh ...) đạt điểm C trở lên;

(2) Thí sinh là người Việt Nam có bằng Tốt nghiệp THPT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển vào học khi văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Yêu cầu điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.50 theo thang điểm 4.0).

### **7.3.2.2. Điều kiện nhận hồ sơ ngành Quản trị kinh doanh do Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng**

#### **a, Phương thức 1: Xét tuyển thẳng khi thí sinh thỏa mãn 02 điều kiện:**

- Điều kiện 1: Điểm trung bình chung 5/6 học kỳ ở bậc THPT đạt tối thiểu 8,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.50 theo thang điểm 4.0). Học kỳ còn lại đạt từ 7,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.0 theo thang điểm 4.0) trở lên;

- Điều kiện 2: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu IELTS 5.5; TOEFL iBT 72; B2 CEFR còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ;

#### **b, Phương thức 2: Xét kết quả học bạ THPT khi thí sinh đáp ứng đủ 03 điều kiện:**

- Điều kiện 1: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0);

- Điều kiện 2: Tổng điểm trung bình 3 môn học cả năm lớp 12 của 1 trong 7 tổ hợp sau đạt 21 điểm trở lên, trong đó điểm môn tiếng Anh tối thiểu là 7,0/10:

- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- D01: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (Tiếng Anh);
- D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh;
- D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh;
- D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh;
- D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh;
- D84: Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh.

- Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72; B2 CEFR còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ;

#### **c, Phương thức 3: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc Kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức khi thí sinh đáp ứng 3 điều kiện sau:**

- Điều kiện 1: Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển: A01/D01/D07/D08 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN áp dụng cho Chương trình BBA-USF, mã ngành QHE89; trong đó điểm từng môn thi tốt nghiệp THPT cần đạt 5,0 trở lên, điểm môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6,5. Đối với các thí sinh sử dụng kết quả bài thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức cần đạt 80/150 điểm trở lên;

- Điều kiện 2: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.50 theo thang điểm 4.0);

- Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72; B2 CEFR còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ;

#### **\* Lưu ý về điều kiện tiếng Anh:**

- Thí sinh đạt các điều kiện về kết quả học và/hoặc điểm thi tốt nghiệp ở bậc THPT nhưng chưa có chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ theo yêu cầu được công nhận

trúng tuyển có điều kiện nếu có một trong 2 kết quả dưới đây: (i) điểm tiếng Anh tại Kỳ thi THPT đạt 6,5/10 trở lên; hoặc (ii) điểm trung bình môn Tiếng Anh lớp 12 đạt tối thiểu 7,0/10;

- Sinh viên thuộc các trường hợp trúng tuyển có điều kiện sẽ được kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh để xếp lớp học bổ sung kiến thức tiếng Anh và luyện thi lấy chứng chỉ đạt trình độ theo yêu cầu. Thời gian cần nộp được chứng chỉ tiếng Anh là không quá 1 năm kể từ khi có thông báo trúng tuyển có điều kiện;

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh do các trường đại học trong nước cấp phải nộp được chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu IELTS 5.5, TOEFL iBT 72 hoặc tương đương trước khi đăng ký học phần do Đại học St. Francis đảm nhiệm (trừ các trường hợp được Đại học St. Francis chấp nhận, bao gồm nhưng không giới hạn đối với đối tượng có chứng chỉ quốc tế ACT, SAT hoặc A/AS Level ... như nêu trong ‘Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác’ dưới đây);

#### ***d, Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác:***

(1) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có một trong các chứng chỉ quốc tế khi tham gia các bài thi đánh giá năng lực sau (còn trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ) được xét tuyển vào chương trình và không phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

- Bài thi ACT đạt tối thiểu điểm 20/36 (trong đó điểm thành phần tiếng Anh tối thiểu là 18);
- Bài thi SAT đạt từ 1050/1600 điểm trở lên (trong đó điểm đọc và viết không dưới 480, chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển);
- Chứng chỉ A/AS Level 1 do các đơn vị khảo thí sau cấp: Pearson Edexcel; Oxford, Cambridge & RSA Examination (OCR); Council for the Curriculum, Examinations and Assessment (CCEA) in North Ireland; Welsh Joint Education Committee (WJEC); Cambridge International Examination (CIE); ... với kết quả 3 môn học theo các khối xét tuyển tương ứng (các môn: Toán - Tiếng Anh – Vật lý - Văn học – Lịch sử ...) đạt điểm C trở lên;

(2) Thí sinh là người Việt Nam có bằng Tốt nghiệp THPT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển vào học khi văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Yêu cầu điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.50 theo thang điểm 4.0).

### **7.4. Nguyên tắc xét tuyển**

#### ***7.4.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước***

##### ***\* Nguyên tắc xét tuyển chung***

- Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT (*hoặc tương đương*);
- Trường Đại học Kinh tế xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành;



- Trường hợp Nhà trường không tuyển đủ thí sinh xét tuyển theo các phương thức khác so với chỉ tiêu được duyệt, số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Điểm xét tuyển của PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và PTXT chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: theo thang điểm 40 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm cần đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT;

#### **7.4.1.1. Nguyên tắc xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường sử dụng các tiêu chí phụ sau:

- (1) Tiêu chí phụ 1: Xét trúng tuyển theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.
- (2) Tiêu chí phụ 2: Xét trúng tuyển theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường.

- Quy định về chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển;

#### **7.4.1.2. Nguyên tắc xét tuyển PTXT kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023**

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường xét trúng tuyển theo điểm từ cao xuống thấp của điểm trung bình chung môn Tiếng Anh của 5 học kỳ (lớp 10, lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12) *hoặc* kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc chứng chỉ TOEFL iBT.

#### **7.4.1.3. Nguyên tắc xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn**

Đối với các thí sinh có kết quả chứng chỉ tiếng Anh IELTS *hoặc* TOEFL iBT tương đương nhau ở cuối danh sách xét tuyển, Nhà trường xét trúng tuyển theo kết quả từ cao xuống thấp của điểm phỏng vấn.

#### **7.4.1.4. Nguyên tắc xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023**

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường xét trúng tuyển theo kết quả từ cao xuống thấp của kết quả thi THPT môn Toán.

#### **7.4.1.5. Nguyên tắc xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao**

- *Phương thức xét tuyển 1*

Xét tuyển thí sinh căn cứ vào cấp độ, quy mô giải thi đấu từ cao xuống thấp.

- *Phương thức xét tuyển 2*

Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển và phỏng vấn từ cao xuống thấp.

#### **7.4.2. Tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài**

Trường Đại học Kinh tế xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành.

### **8. Chính sách ưu tiên**

#### **8.1. Ưu tiên khu vực, đối tượng**

##### **8.1.1. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng**

Trường ĐHKT áp dụng cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng như sau:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực: khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng: nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số);

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

- Trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương;

##### **8.1.2. Cách tính điểm ưu tiên theo từng phương thức xét tuyển**

Nhà trường áp dụng cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng đối với các phương thức xét tuyển cụ thể như sau:

(1) *PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:*

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm dưới 22.5 điểm được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = \text{Mức điểm ưu tiên} \times 4:3$$

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên} \times 4:3$$

(2) *PTXT kết quả ĐGNL học sinh bậc THPT năm 2023:*

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm dưới 112.5 điểm được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = \text{Mức điểm ưu tiên} \times 5$$

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 112,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(150 - \text{Điểm Đánh giá năng lực})/37,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên} \times 5$$

(3) *PTXT chứng chỉ tiếng Anh kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:*

- Đối với thí sinh đạt tổng điểm dưới 22.5 điểm được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = \text{Mức điểm ưu tiên} \times 4:3$$

- Đối với thí sinh có tổng điểm chứng chỉ Tiếng Anh quy đổi và 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

**Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên x 4:3**

**8.2. Ưu tiên đối với thí sinh xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển:** Quy định chi tiết tại mục 7 thuộc phần II của Đề án.

## **9. Lệ phí xét tuyển**

### **9.1. Lệ phí nộp hồ sơ xét tuyển**

- Tuyển sinh đại học chính quy trong nước: 30.000 đồng/hồ sơ
- Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo với nước ngoài:
  - + *Phương thức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng*: 100 USD/nguyên vọng (tương đương với 2.360.000 đồng/nguyên vọng).
  - + *Phương thức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh do Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng*: 100 USD/nguyên vọng (tương đương với 2.360.000 đồng/nguyên vọng).

### **9.2. Lệ phí phỏng vấn PTXT chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT và kết hợp phỏng vấn**

Lệ phí: 300.000 đồng/thí sinh.

### **9.3. Thông tin tài khoản**

#### **9.3.1. Thông tin tài khoản tuyển sinh đại học chính quy trong nước:**

Chủ tk: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

STK: **2601.000.1057855**

Ngân hàng: BIDV - CN Mỹ Đình

#### **9.3.2. Thông tin tài khoản tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài:**

Chủ tk: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

STK: **2221 000 99 68 999**

Ngân hàng: BIDV - CN Thanh Xuân

## **10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

### **10.1. Sinh viên đại học chính quy trong nước (theo định mức KTKT được phê duyệt):**

Mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023 như sau:

- + Năm học 2023-2024: 4.400.000đồng/tháng (tương đương 44.000.000 đồng/năm)
- + Năm học 2024-2025: 4.600.000đồng/tháng (tương đương 46.000.000 đồng/năm)
- + Năm học 2025-2026: 4.800.000đồng/tháng (tương đương 48.000.000 đồng/năm)
- + Năm học 2026-2027: Dự kiến tăng không quá 5% so với năm học 2025-2026

### **10.2. Sinh viên đại học chính quy (ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao):**

Mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023: 98.000.000 đồng/sinh viên/ khóa học (tương ứng 2.450.000 đồng/tháng; 770.000 đồng/tín chỉ).

### **10.3. Sinh viên đại học liên kết đào tạo với nước ngoài:**

#### **10.3.1. Ngành Quản trị kinh doanh liên kết với Đại học Troy, Hoa Kỳ và do Đại học Troy cấp bằng (không áp dụng chính sách miễn giảm học phí):**

Mức học phí BSBA TROY: **14.200** USD/khóa (tương đương với **335.120.000** đồng/khóa, áp dụng năm tuyển sinh 2023). Sinh viên đăng ký và trúng tuyển vào chương trình, khóa 22, niên khóa 2023 – 2027 được cấp học bổng trị giá 821 USD / sinh viên/ khóa học (tương đương 19.375.600 đồng). Học bổng này được trừ trực tiếp vào các kỳ đóng phí khi sinh viên học tại trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN. Học phí còn lại phải nộp cho khóa học chuẩn, học toàn phần tại Việt Nam tạm tính là: **13.379** USD/sinh viên/khóa học (*tương đương 315.744.400 đồng*). Kinh phí đào tạo và các loại phí thu bằng đồng Việt Nam. Mức thu sẽ thay đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu. Tỷ giá tạm tính: 1 USD tương đương 23.600 VND (tham khảo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ngày 17/01/2023, đã được áp dụng tại thông báo Tuyển sinh số 192/TB-ĐHKT ngày 19/01/2023).

**10.3.2. Ngành Quản trị kinh doanh liên kết với Đại học St.Francis, Hoa Kỳ và do Đại học St.Francis cấp bằng (không áp dụng chính sách miễn giảm học phí):**

Mức học phí BBA USF: **14.484** USD/khóa (tương đương với **341.822.400** đồng/khóa, áp dụng năm tuyển sinh 2023). Sinh viên đăng ký và trúng tuyển vào chương trình, khóa 3, niên khóa 2023 – 2027 được cấp học bổng trị giá 2.205 USD/sinh viên/khóa học (tương đương 52.038.000 đồng). Học bổng này được trừ trực tiếp vào các kỳ đóng phí khi sinh viên học tại trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN. Học phí còn lại phải nộp cho khóa học chuẩn, học toàn phần tại Việt Nam tạm tính là: **12.279**USD/sinh viên/khóa học (*tương đương 289.784.400 đồng*). Kinh phí đào tạo và các loại phí thu bằng đồng Việt Nam. Mức thu sẽ thay đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu. Tỷ giá tạm tính: 1 USD tương đương 23.600 VND (tham khảo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ngày 17/01/2023, đã được áp dụng tại thông báo Tuyển sinh số 182/TB-ĐHKT ngày 19/01/2023).

**11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm**

**11.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước:** Nhà trường chỉ tuyển sinh 1 đợt duy nhất.

**11.2. Tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài:** Nhà trường tuyển sinh nhiều đợt trong năm.

**12. Các nội dung khác**

**12.1. Thông tin học bổng**

Hàng năm Nhà trường có nhiều loại học bổng dành cho sinh viên và sinh viên hệ liên kết quốc tế.

**12.1.1. Học bổng dành cho sinh viên đại học chính quy trong nước**

Học bổng khuyến khích học tập (KKHT) và Học bổng được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, đối tác trong và ngoài nước của ĐHQGHN và của Nhà trường (gọi chung là Học bổng Nhà tài trợ).

(1) *Học bổng khuyến khích học tập (KKHT):* được trao hàng kỳ và có giá trị lớn, gồm 9 loại như sau:

- Học bổng loại A: Bằng 125% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng loại B: Bằng 110% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng loại C: Bằng 100% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng tài năng: Bằng 300% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng sinh viên “Gương mặt thương hiệu UEB”: Bằng 300% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng sinh viên Trí tuệ: Bằng 200% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng sinh viên Năng động: Bằng 200% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng sinh viên dẫn đầu: Bằng 150% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.
- Học bổng công dân toàn cầu: Bằng 130% và Bằng 200% của Mức học phí/1 học kỳ của chương trình đào tạo.

(2) *Học bổng Nhà tài trợ:*

Hàng năm, có khoảng 20-30 chương trình học bổng được các doanh nghiệp, tập đoàn tài trợ cho sinh viên với tổng giá trị lên tới hàng tỷ đồng. Đặc biệt học bổng - IMG Thấp sáng tài năng Việt là học bổng do Công ty CP Đầu tư IMG dành trao hàng năm cho các sinh viên tài năng của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN: học bổng có giá trị cao gồm 01 suất 100 triệu đồng, 01 suất 40 triệu đồng và 01 suất 10 triệu đồng. Ngoài ra, Nhà trường còn rất nhiều học bổng khác có giá trị, cụ thể sau:

STT	Tên học bổng	STT	Tên học bổng
1	Học bổng Kumho Asiana, Nhật Bản	13	Học bổng Tài năng trẻ Sasakawa, Nhật Bản
2	Học bổng Lotte, Hàn Quốc	14	Học bổng K-T
3	Học bổng Posco, Hàn Quốc	15	Học bổng Annex
4	Học bổng Toshiba, Nhật Bản	16	Học bổng ADF, Hàn Quốc
5	Học bổng PonyChung, Hàn Quốc	17	Học bổng Đinh Thiện Lý
6	Học bổng Yamada, Nhật Bản	18	Học bổng quốc tế Nitori, Nhật Bản
7	Học bổng Shinnyo, Nhật Bản	19	Học bổng K36 cựu sinh viên
8	Học bổng Vừ A Dính	20	Học bổng Ecopark
9	Học bổng Mitsubishi, Nhật Bản	21	Học bổng Tài năng Thakral - In Sewa Foundation
10	Học bổng Nguyễn Trường Tộ	22	Học bổng IMG

STT	Tên học bổng	STT	Tên học bổng
11	Học bổng Trần Văn Lê	23	
12	Học bổng BIDV	24	

### **12.1.2. Học bổng dành cho sinh viên đại học liên kết đào tạo với nước ngoài**

Mức cấp học bổng được cập nhật hàng kỳ, bao gồm các loại học bổng như sau:

(1) *Học bổng tài năng gồm:*

- Học bổng Công dân toàn cầu – Global Students Scholarship.
- Học bổng Thủ lĩnh Sinh viên – Student Leaders Scholarship:
- Học bổng Breakout Student.

(2) *Học bổng KKHT gồm:*

- Học bổng Student Champion.
- Học bổng Excellent Students.

(3) *Học bổng Nhà tài trợ:* Trao cho sinh viên từ nguồn tài chính cá nhân và tổ chức cấp học bổng thông qua các chương trình, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng tài trợ... theo định hướng phát triển và hợp tác của Trường.

### **12.1.3. Quỹ hỗ trợ sinh viên và gói vay vốn BIDV nộp học phí**

Đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, Nhà trường có Quỹ hỗ trợ sinh viên hàng kỳ và gói vay vốn nộp học phí của BIDV lên tới 50 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi và quỹ học bổng 80 triệu/năm để sinh viên trả lãi suất vay vốn (lãi vay 0 đồng).

Học bổng, Quỹ hỗ trợ và gói vay vốn BIDV nộp học phí là nguồn hỗ trợ trang trải một phần chi phí sinh hoạt hoặc chi phí học tập, nghiên cứu tại Nhà trường, đặc biệt với những bạn có điều kiện kinh tế khó khăn.

### **12.2. Các chương trình hợp tác, trao đổi**

Trường Đại học Kinh tế không ngừng đẩy mạnh các hoạt động thu hút sinh viên quốc tế đến trao đổi ở cả 2 hình thức: trao đổi tín chỉ và trao đổi theo các chương trình thiết kế.

Đối với chương trình trao đổi tín chỉ: Trường ĐHKT đã triển khai ký kết Văn bản hợp tác và Thỏa thuận trao đổi sinh viên với các đối tác như: Trường Đại học Oita, Đại học Quốc tế Akita (Nhật Bản), Đại học Nam Đan Mạch (Đan Mạch), Đại học Rennes (Pháp), Đại học Quản lý Varna (Bulgaria), Đại học Quốc gia Chengchi (Đài Loan), Đại học Regensburg (Đức), Đại học Assumption (Thái Lan), Đại học Quốc gia Yokohama (Nhật Bản) và Đại học Kinh tế Cracow (Ba Lan); Trường Đại học Kinh tế hàng năm đều thu hút và duy trì số sinh viên quốc tế đến trao đổi tín chỉ với hàng chục bạn sinh viên tham gia. Bên cạnh các cơ chế hỗ trợ cho sinh viên quốc tế đến trao đổi tín chỉ theo thỏa thuận như: miễn học phí, miễn phí đăng ký hồ sơ và nhập học, tư vấn đăng ký học và thủ tục xin thị thực, Trường ĐHKT cũng sắp xếp đưa đón sân bay miễn phí, tư vấn, hỗ trợ tìm nhà, cử cán bộ/sinh viên hỗ trợ các em trong suốt thời gian học trao đổi tại Trường ĐHKT. Các sinh viên đến trao đổi đều đánh giá cao và có phản hồi tốt sau thời gian học tập tại Trường ĐHKT.

Hoạt động trao đổi theo các chương trình thiết kế: từ năm 2014 trở lại đây, Trường ĐHKT liên tục thu hút các đoàn sinh viên quốc tế đến trao đổi, giao lưu và thực tập thực tế. Ngoài các đối tác chiến lược như Trường Đại học Quốc gia Yokohama, Đại học Waseda, Đại học Sydney, Trường ĐHKT cũng thu hút và nhận được nhiều lời đề nghị tổ chức chương trình giao lưu và tiếp đón sinh viên đến từ các trường Đại học Quản lý Singapore, Đại học Kebangsaan Malaysia, Đại học Kyushu... Đặc biệt, với việc duy trì tham gia Diễn đàn sinh viên quốc tế thường niên GPAC (Global Partnership of Asian Colleges), Trường ĐHKT không chỉ tạo cơ hội cho sinh viên của mình tham gia hoạt động giao lưu học thuật mà còn giúp thu hút hàng trăm sinh viên quốc tế đến giao lưu, học tập và trải nghiệm khi luân phiên đăng cai tại ĐHQGHN.

Ngoài ra đối với các chương trình trao đổi, giao lưu do ĐHQGHN chủ trì, Trường ĐHKT luôn triển khai kịp thời cũng như hỗ trợ thủ tục tối đa cho sinh viên quốc tế đến học tập, trao đổi.

Các hoạt động của sinh viên đến trao đổi cũng được thông tin đầy đủ và kịp thời trên website của Trường ĐHKT ngay sau khi sự kiện diễn ra. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện các bài phỏng vấn đối với sinh viên đến trao đổi tin chỉ nhằm tiếp tục quảng bá tới cả sinh viên trong nước và quốc tế.

### **13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước**

Không có

### **14. Tài chính**

**14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (năm 2022):** 171.015 triệu đồng, trong đó: Nguồn thu từ ngân sách cấp: 0 triệu đồng; thu từ học phí: 169.464 triệu đồng; thu lệ phí: 1.551 triệu đồng.

**14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2022:** 35 triệu đồng./.

Ngày tháng năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**  
**ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**

**Cán bộ kê khai**



**Đinh Thị Thúy Hòa**

Số điện thoại liên hệ: 0915753836

Email: hoa\_dtt@vnu.edu.vn

**Lê Trung Thành**